

Bản án số: 46/2024/DS-PT

Ngày: 09/4/2024

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương và bà Nguyễn Thị Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Dương Thị Hương Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2023/DS-PT ngày 30/10/2023 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐ-PT ngày 26/12/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị D, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; có mặt

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Khắc T; sinh năm 1963; vắng mặt.

2. Bà Trần Thị D1, sinh năm 1963; có mặt. Bà D1, ông T uỷ quyền cho anh Nguyễn Khắc T1, sinh năm 1983; đều có địa chỉ: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị D1: Luật sư Hoàng Văn T2, Công ty L, đoàn luật sư thành phố H; đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Văn D2, sinh 1962; địa chỉ: Phố T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt

2. Ông Dương Văn M, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ D, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; có mặt

3. Ông Dương Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

4. Bà Dương Thị H1, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

5. Bà Dương Thị H2, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt

6. Ông Nguyễn Khắc H3, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Dương Văn G, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Tiến V, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

3. Ông Dương Quang T3, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Dương Thị D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn H, bà Dương Thị H2, bà Dương Thị H1 trình bày:

Năm 1978, cụ Dương Văn H4, cụ Dương Thị M1 là bố mẹ đẻ của các ông bà lên khu vực cầu L, xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên khai hoang được một mảnh đất để ở và trồng sắn. Sau đó nhà nước có nắn lại đoạn đường X đi T, nên con đường đã đi qua mảnh đất của gia đình, chia ra làm hai phần hai bên của con đường.

Phần đất một bên đường được bố mẹ cắt ra cho bà Dương Thị Hà t một thửa, phần còn lại anh chị em thống nhất cho ông Dương Văn D2. Ông D2, bà H2 sử dụng ổn định từ đó đến nay, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019.

Phần bên kia đường, anh chị em ông thống nhất cho bà Dương Thị D là chị cả. Năm 2018, bà D làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phải lấy ý kiến của các gia đình có đất liền kề, thì gia đình ông H3, gia đình ông V nhất trí, gia đình bà D1, ông T cho rằng có con đường đi qua giữa thửa đất của bà D và thửa ruộng của ông V, để vào thửa 312 của gia đình bà D1, ông T, nên không nhất trí. Sau đó ông T, bà D1 cho rằng đã khai phá một phần đất thuộc thửa đất 844 tiếp giáp với thửa đất 312 của bà D1 và mua phần đất tiếp theo liền kề phần đất khai phá, nay cũng thuộc thửa 844 của cụ M1 là mẹ đẻ các ông bà từ năm 2000, với giá 200.000 đồng, hai bên xảy ra tranh chấp.

Năm 2015, gia đình ông H3 đổi 02m đất mặt đường X đi T cho anh H con cụ M1 và đổi 15m² đất mặt đường đều thuộc thửa 844 cho anh D3 con trai bà D, gia đình bà D lấy khoảng 150m² đất phía sau cạnh nhà ông H3, hiện con bà D đã trồng keo lên khu đất đổi và xây gạch xi măng xung quanh diện tích đất đã nhận đổi của ông H3.

Quá trình sử dụng đất, phần đất tranh chấp trước đây cụ M1 dùng để trồng Keo, đã thu hoạch nhiều lần. Từ năm 2014 được bố mẹ tặng cho, bà D dùng

trồng keo, năm 2018 làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện P đã đo đạc, xác định diện tích đất đề nghị xin cấp của bà D số hiệu là thửa đất số 990, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã X, diện tích 208m².

Bà D và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm các con đẻ của cụ M1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông T, bà D1 phải thu hoạch cây trồng trên một phần của thửa đất, trả lại cho bà D diện tích đất thuộc thửa 844 của cụ M1 và phần đất nhận đổi của ông H3.

Bị đơn bà Trần Thị D1, ông Nguyễn Khắc T trình bày:

Gia đình bà D1 sử dụng hai thửa đất thuộc xứ đồng Cầu Lấp, gồm: thửa số 312 được hợp tác chia và phần đất tiếp giáp ở sát sườn đồi nhà cụ M1 khoảng 300m², do bố, mẹ chồng bà khai hoang phục hóa để trồng màu từ năm 1978, giáp thửa ruộng 312, hiện nay tranh chấp với bà D. Thửa đất màu hàng năm gia đình bà trồng màu liên tục và dùng một phần thửa đất đó làm đường đi vào thửa đất số 312.

Đến khi nhà nước nắn đường cua cho thẳng tuyến Cầu M2 đi T, gia đình bà tự làm con đường phía ngoài rộng khoảng 3 mét, phía trong rộng khoảng 2 mét đi vào thửa 312 để chở phân và sản phẩm làm ra. Năm 2000 bà mua một thửa đất hình tam giác khoảng 200m² của cụ Dương Thị M1 là mẹ của bà D liền kề với đất nhà ông Nguyễn Khắc H3, giáp với thửa đất trồng màu bố mẹ chồng bà khai phá, với giá 200.000đ. Việc mua bán đất với cụ M1 không có giấy tờ, nhưng có bà Đồng Thị S chứng kiến.

Nay các con cụ M1 khởi kiện cho rằng thửa đất số 990, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã X, diện tích 208m² thuộc quyền sử dụng của bà D, bà D1 cho rằng thửa đất này bà đã khai phá một phần và một phần mua của cụ M1 năm 2000, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Dương Thị D.

Những người làm chứng gồm: ông Nguyễn Khắc H3, ông Dương Quang T3, ông Nguyễn Tiến V, trình bày:

Khu đất đang tranh chấp giữa bà D với bà D1, ông T là của gia đình cụ M1 khai phá, khi có con đường liên xã X đi T thì thửa đất của cụ M1 bị chia làm hai phần. Phần bên kia đường cụ M1 sống cùng các con của cụ, phần còn lại giáp với đất ruộng của bà D1, ông T. Khu đất này là của gia đình cụ M1 khai phá, chứ không phải của gia đình ông T, bà D1. Năm 2015, gia đình ông H3 có đổi 02m đất mặt đường X đi T cho anh H con bà M1 và đổi 15m² đất mặt đường với anh D3 con trai bà D, gia đình bà D lấy khoảng 150m² đất phía sau cạnh nhà ông H3, hiện con bà D đã trồng keo lên khu đất đổi cho gia đình ông H3 và xây gạch xi măng xung quanh diện tích đất đã đổi cho nhà ông H3. Gia đình ông T, bà D1 chỉ có một thửa ruộng lúa bên cạnh khu đất đang tranh chấp, gần giáp với thửa đất ruộng của gia đình ông V. Ông H3 xác định gia đình cụ V1 là bố của ông T có khai phá khoảng 1,2 mét chiều rộng và sâu khoảng 25 mét giáp với đất cụ M1 và giáp với đất của nhà ông H3 đổi cho anh H con trai cụ M1, anh D3 con trai bà D. Đây là lối đi từ đường nhựa vào thửa ruộng của ông T, bà D1 ở phía trong

khu đất đang có tranh chấp. Ông H3 xác định phần diện tích đồi cho anh H con cụ M1 và anh D3 con bà D nay thuộc quyền sử dụng của bà D.

Ông Dương Văn G trình bày: Khoảng tháng 11/2005, ông đến gia đình bà Dương Thị M1; trú tại: Xóm K, xã X, huyện P để mua keo về bán. Sau khi đến gia đình cụ M1 ông có xem keo của gia đình bà M1, xác định cây keo của gia đình bà trồng được khoảng 10 năm tuổi, đã đến kỳ thu hoạch. Vườn keo của cụ M1 nằm phía bên này đường đất của xã X đi T, đối diện gia đình chị H2 là con gái của cụ M1. Số cây keo mà ông mua của cụ M1 nằm trên diện tích khoảng gần 500m², khi ông tiến hành chặt cây keo thì không có ai ra ngăn cản việc chặt cây keo. Do vườn keo của cụ M1 gần ruộng lúa phía dưới, có một số cây còn nhỏ nên ông đã để lại mấy cây không chặt.

Tại biên bản thẩm định ngày 22 tháng 02 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Phú Bình xác định tài sản đang có tranh chấp gồm có:

Diện tích đất đang có tranh chấp thuộc thửa số 844, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã X, diện tích trên bản đồ là 472m², trên bản đồ không ghi tên ai; trên sổ mục kê quyền số 01 của xã X tại trang số 24 thể hiện thửa đất số 844 ghi tên bà Dương Thị M1. Tài sản trên đất: có 77 cây keo chu vi gốc bình quân 50 cm; 02 cây keo đã chết chu vi gốc bình quân 150; 03 búi tre; 02 khóm táo dại chưa có quả; 12 cây thuốc nam. Bà D xác định toàn bộ cây keo đang còn sống do anh D3 là con trai bà D trồng năm 2019, còn 02 cây keo đã chết do anh Dương Văn H em trai bà trồng đã thu hoạch trước đây, còn lại 02 cây chưa thu hoạch vì trước đây còi cọc không khai thác. Ông T, bà D1 xác định toàn bộ số cây keo còn sống; 02 cây keo đã chết; 02 khóm táo; 12 cây thuốc nam là do ông Tân trồng;

01 bờ tường giáp nhà ông H3, dài 7,9 mét; cao 30cm; rộng 113mm; 01 đoạn bờ tường giáp thửa đất 316 đất nhà ông H3 chiều dài 16,4 mét; cao 1,2 mét; rộng 227mm xây bằng gạch xi măng năm 2019.

Tại biên bản định giá ngày 12/9/2023, Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân huyện Phú Bình thành lập đã xác định giá trị tài sản trên diện tích đất đang có tranh chấp là: 21.868.532 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 Tòa án nhân dân huyện Phú Bình đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị D về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Khắc T và bà Trần Thị D1. Ông Nguyễn Khắc T và bà Trần Thị D1 phải có trách nhiệm di dời toàn bộ 03 búi tre; 02 khóm táo chưa ra quả; 12 cây thuốc nam ra khỏi diện tích đất tại thửa đất số 844, 316 để trả lại đất cho bà Dương Thị D sử dụng.

Giao cho bà Dương Thị D quản lý sử dụng 504,7m² tại thửa đất số 844, 316, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã X quản lý sử dụng; được thể hiện trên sơ đồ qua các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,13,12,11,10,1 (Quyết định sửa chữa bổ sung bản án xác định là các điểm: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 13, 12, 11, 10, 1). Bà D có trách nhiệm làm thủ tục xin cấp GCNQSD đất đối với toàn bộ diện tích đất đã được

giao tại các cơ quan có thẩm quyền (Phần đất bà D được giao có một phần hành lang đường giao thông Xuân P đi T, tính từ tim đường vào 19,5 mét - Có sơ đồ kèm theo).

Giao cho bà Dương Thị D quản lý 77 cây keo còn sống, 02 cây keo đã chết; 01 bờ tường giáp nhà ông H3 có chiều dài 7,9 mét; cao 30cm; rộng 113mm; 01 đoạn bờ tường giáp thửa đất 316 đất nhà ông H3 chiều dài 16,4 mét; cao 1,2 mét; rộng 227 mm xây bằng gạch xi măng năm 2019 nằm trên thửa đất số 844, 316 tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã X, huyện P.

2. Giao cho ông Nguyễn Khắc T, bà Trần Thị D1 32,4m² tại một phần của thửa đất số 844, 316, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã X quản lý sử dụng, được thể hiện trên sơ đồ qua các điểm: 7,8,9,11,12,13,7. Ông T, bà D1 phải có trách nhiệm làm thủ tục xin cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất đã được giao tại các cơ quan có thẩm quyền (Phần đất ông T, bà D1 được giao có một phần hành lang đường giao thông Xuân P đi T, tính từ tim đường vào 19,5 mét - Có sơ đồ kèm theo).

Ngày 05/10/2023, bị đơn ông Nguyễn Khắc T, bà Trần Thị D1 kháng cáo toàn bộ bản án. Nội dung kháng cáo, ông T, bà D1 cho rằng: Bà D được cụ M1, cụ H4 tặng cho phần đất thuộc thửa 844 nhưng không có văn bản, diện tích thửa 844 là 472 m², Toà án cấp sơ thẩm không đo đạc tất cả diện tích của các hộ liền kề thửa 844 để xác định diện tích bà D khởi kiện thừa hay thiếu. Các nhân chứng đều không khách quan. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm công nhận cho ông bà 300 m² đất.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn xác định không kháng cáo, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo. Bị đơn xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa 844 gồm phần đất tiếp giáp thửa đất số 311 đến điểm 9, 11, 10 do bố chồng bà T khai phá, phần đất tiếp theo còn lại của thửa đất 844 mua của cụ M1 với giá 200.000 đồng. Phần đất tranh chấp thuộc thửa 316 tính từ điểm 13 kéo vuông góc đến đoạn 3,4 trên sơ đồ. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận cho bị đơn được sử dụng phần đất thuộc thửa 844 và một phần thửa đất số 316 nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Khắc T, bà Trần Thị D1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Khắc T, bà Trần Thị D1 kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bản án sơ thẩm công nhận phần đất thuộc thửa 316 của ông H3 đổi cho gia đình bà D, nhưng lại xác định ông Nguyễn Khắc H3 là người làm chứng là không đúng. Tuy nhiên, sau khi đổi đất các bên đã nhận đất và sử dụng ổn định, ông H3 nhất trí không có ý kiến đề nghị gì, sau khi xét xử sơ thẩm ông H3 nhất trí, không có kháng cáo, nên xác định ông Nguyễn Khắc H3 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Về phần đất tranh chấp thuộc thửa 844:

[3] Tại biên bản xác minh ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình với UBND xã X, xác định: Diện tích đất bà D tranh chấp với ông T, bà D1 là một phần của thửa đất số 844, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã X, huyện P. Sổ mục kê quyền số 01 (không ghi năm) tại UBND xã X ghi thửa đất số 844 tên chủ sử dụng bà Dương Thị M1 là mẹ đẻ của bà D.

[4] Lời khai của ông Nguyễn Khắc H3, ông Nguyễn Tiến V, Dương Quang T3 đều xác định thửa đất đang có tranh chấp do cụ Dương Văn H4, cụ Dương Thị M1 là bố mẹ bà D khai phá, sử dụng để trồng keo đã thu hoạch, phần còn lại giáp với đất nhà ông H3, đang trồng keo là đất của ông Nguyễn Khắc H3 đổi cho gia đình bà D. Ông H3, ông V, ông T3 đều xác định thửa đất đang có tranh chấp có nguồn gốc của cụ H4, cụ M1.

[5] Tại biên bản làm việc ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình với Trưởng xóm K, xã X xác định: Thửa đất số 844, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã X, có diện tích 472m² là một phần diện tích thửa đất khoảng hơn 5.000m² là của cụ Dương Thị M1, cụ Dương Văn H4 khai phá cách đây hơn 50 năm. Khi cụ M1 còn sống đã chia đất cho các con của cụ và hiến một phần diện tích đất để nhà nước làm đường liên xã X đi T. Phần đất còn lại phía bên kia đường, giáp với đất nhà ông H3 đang có tranh chấp giữa bà D với ông T.

[6] Tại đơn xin xác nhận ngày 29/5/2023 về việc bà Trần Thị D1, ông Dương Văn D2 (Em trai bà D) thỏa thuận với nhau về ranh giới đất. Nội dung thỏa thuận, gia đình bà D1 được sử dụng 3,20 mét chiều ngang bám mặt đường X đi T, chiều sâu hết thửa đất số 844; ông D2 được sử dụng toàn bộ phần đất còn lại giáp với thửa đất của nhà ông H3. Tại biên bản đối chất ngày 28/7/2023, giữa ông Dương Văn D2 và bà Trần Thị D1, ông D2 xác định do ông được thừa kế đất của bố mẹ, nên năm 2019 làm thủ tục xin cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất phía đối diện với thửa đất đang có tranh chấp giữa bà D với ông T, bà D1. Do đất của bố mẹ ông khai phá giáp với đất nhà ông Nguyễn Khắc H3, ruộng của ông Nguyễn Tiến V, bà Trần Thị D1 nên hồ sơ xin cấp GCNQSD đất

của ông phải có các hộ giáp ranh ký không có tranh chấp mới được cấp GCNQSD đất. Hồ sơ của ông đã được ông H3, ông V ký, riêng bà D1 yêu cầu ông thỏa thuận nhường cho gia đình bà 3,2 mét mặt đường, tính từ cây keo chết đến hết thửa đất 844 thì gia đình bà mới ký vào hồ sơ của ông. Lúc đó ông muốn làm GCNQSD đất nhanh chóng, nên đã tự ý làm biên bản thỏa thuận này nhường cho gia đình bà D1 3,2 mét mặt đường để bà D1 ký vào hồ sơ mà không xin ý kiến của các anh, chị em trong gia đình. Do đó việc ông tự ý thỏa thuận với bà D1 đã bị các anh chị em trong gia đình phản đối. Đến nay xảy ra tranh chấp, ông đề nghị Tòa án huyện Phú Bình giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà D1 xác định tại biên bản thỏa thuận ngày 29/5/2019 giữa bà với ông D2 đã xác định ông D2 để cho bà sử dụng 3,2 mét mặt đường tính từ cây keo chết đến hết phần đất gần nhà ông H3. Còn việc bà ký xác nhận vào hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của ông H3 hay không thì bà không nắm được.

Như vậy bà D1 cho rằng phần đất khu vực có 02 cây keo chết là do bố mẹ chồng bà khai phá và phần đất liền kề với phần đất khai phá mua của cụ M1 200.000 đồng là không có căn cứ. Ông H3 khai bố mẹ chồng bà D1 chỉ có một lối nhỏ có chiều rộng khoảng 1,2 mét, chiều sâu khoảng 25 mét đi vào thửa ruộng số 312 của gia đình bà D1 là có căn cứ.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 844 là 260,9 m².

Về diện tích đất thuộc thửa 316:

[7] Đối với phần đất thuộc thửa 316 gia đình ông H3 đã đổi cho gia đình bà D, tiếp giáp với thửa 312 của gia đình bà D1, bà D1 cho rằng có một phần đất theo sơ đồ từ điểm số 13 kéo thẳng vuông góc đến đoạn 3,4 thuộc quyền sử dụng của gia đình bà D1. Xét thấy:

Theo sơ đồ hiện trạng đối chiếu với bản đồ địa chính, phần đất này thuộc thửa 316 của gia đình ông H3. Ông H3 xác định phần diện tích đất tranh chấp là đất của gia đình ông, năm 2015, ông đổi diện tích đất này để lấy khoảng 02 mét dài mặt đường và 15m² đất mặt đường thuộc thửa đất số 844 cho ông H con cụ M1, anh D3 con bà D, nên không có ý kiến gì về phần đất này. Sau khi đổi đất gia đình bà D đã xây tường xung quanh và trồng keo trên đất. Bà D1, ông T cũng xác định các đoạn tường rào bằng gạch xi măng là do gia đình bà D xây.

Lời khai của ông Nguyễn Khắc H3, ông Dương Văn G đều xác định số cây Keo trên do gia đình cụ M1 trồng trước đây, khi thu hoạch không có tranh chấp. Số cây keo hiện nay do một số cây còi cọc không khai thác và do anh D3 con bà D trồng năm 2019. Lời khai của ông H3, ông G phù hợp với hiện trạng cây keo còn tồn tại trên đất hiện nay. Ông T, bà D1 cho rằng toàn bộ số cây keo này do gia đình ông T, bà D1 trồng là không có căn cứ chấp nhận.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định phần diện tích đất thuộc thửa 316 là 276,6 m².

[8] Các ông, bà Dương Văn D2, ông Dương Văn M, ông Dương Văn H, bà Dương Thị H1, bà Dương Thị H2, bà Dương Thị D là con của cụ Dương Thị

M1, cụ Dương Văn H4 nhất trí giao toàn bộ phần đất tại thửa số 844 và phần diện tích thửa số 316 nhận đổi cho ông H3 năm 2015 cho bà Dương Thị D toàn quyền sử dụng.

Toà án cấp sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất và tài sản là số cây keo, bức tường xây trên phần đất thuộc thửa 844 có nguồn gốc của cụ M1 là mẹ đẻ bà D và phần đất thuộc thửa 316 nhận đổi của ông H3 cho bà Dương Thị D sử dụng và dành cho bà D1, ông T 32,7 m² đất làm đường đi từ đường giao thông vào thửa 312 của bà D1 là phù hợp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Khắc T, bà Trần Thị D1.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Khắc T, bà Trần Thị D1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Khắc T, bà Trần Thị D1; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Khắc T, bà Trần Thị D1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003509 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Bình;
- Chi cục THADS huyện Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Quý Sửu